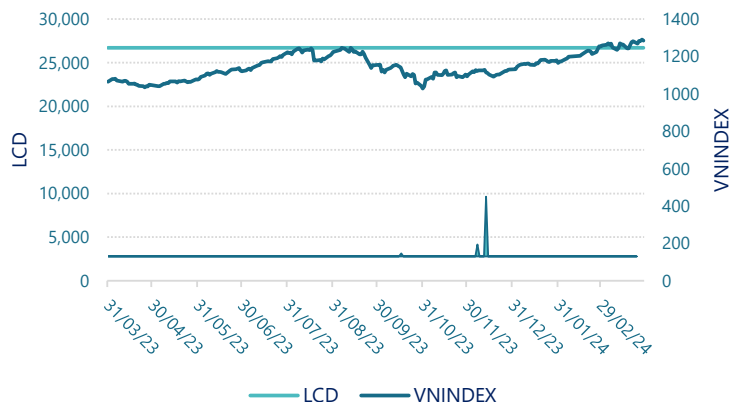




CTCP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ Điện (HNX: LCD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	26,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,700
SL cổ phiếu LH	1,499,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
P/E	287.9
EPS	93

DT thuần

Q1/24

11.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.50 | -4.0%

YoY: ▼0.20 | -1.6%

LN sau thuế

Q1/24

0.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.47 | -99.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

17.6%

+/- YoY: ▲ 5.6%

DT thuần

2023

35.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.60 | -6.8%

LN sau thuế

2023

0.11

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.02 | -10.4%

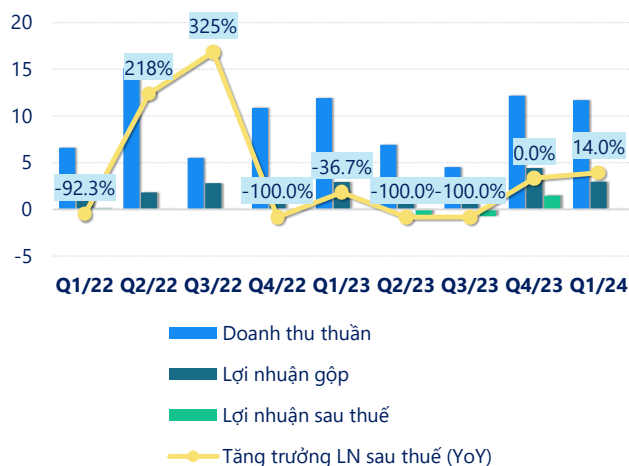
ROE

2023

0.4%

tỷ VNĐ

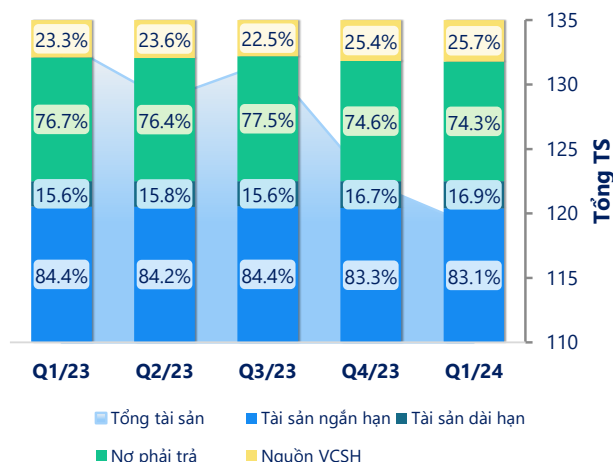
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

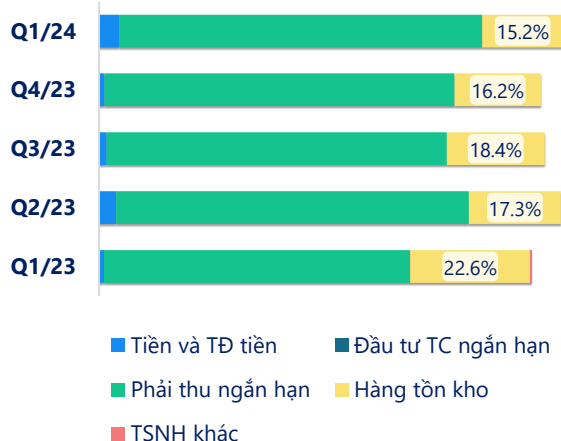
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



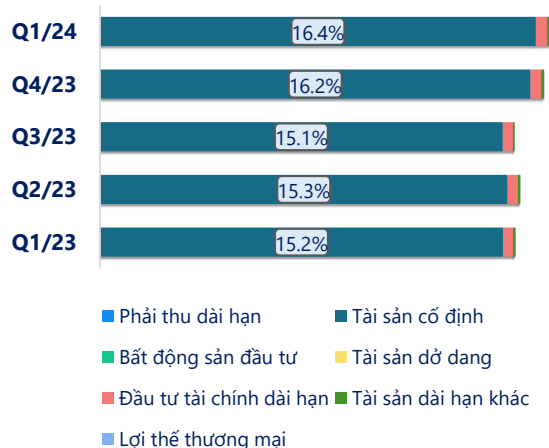
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

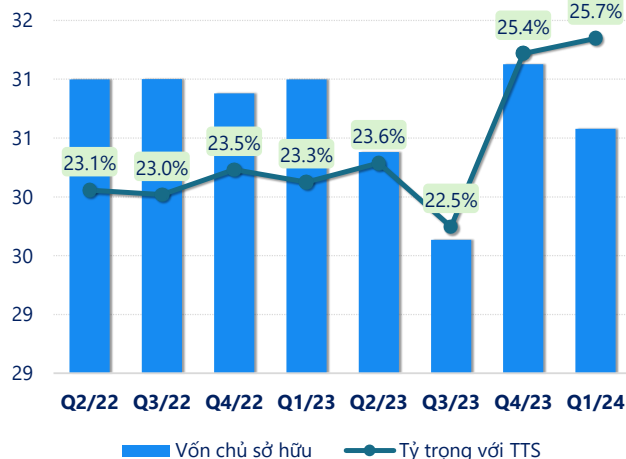
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

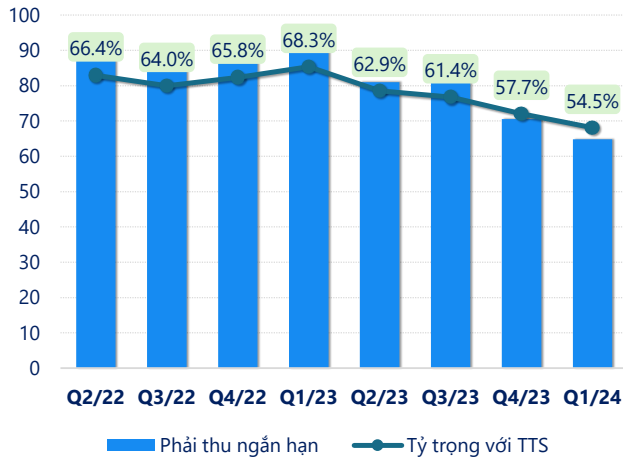
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



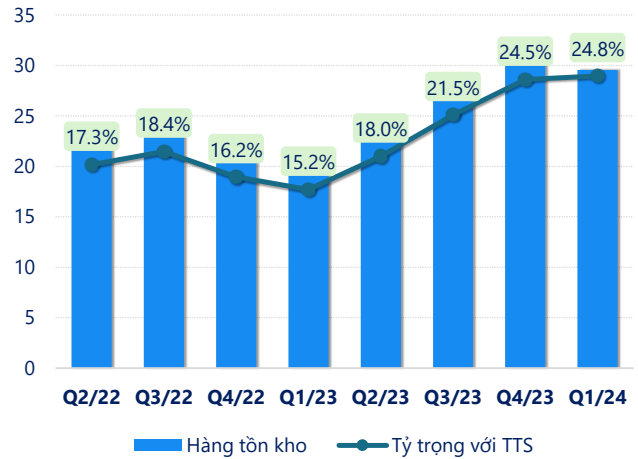
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


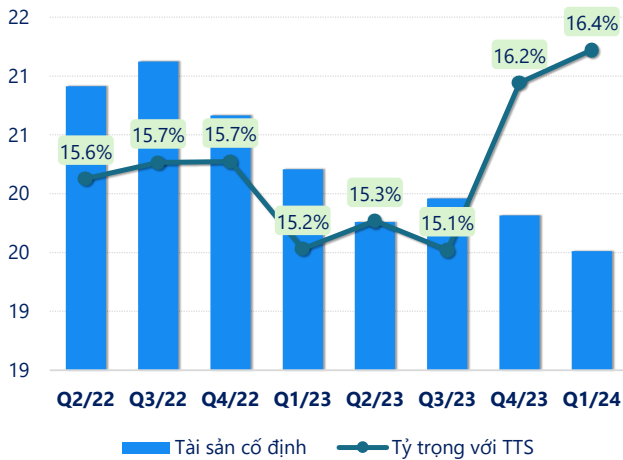
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


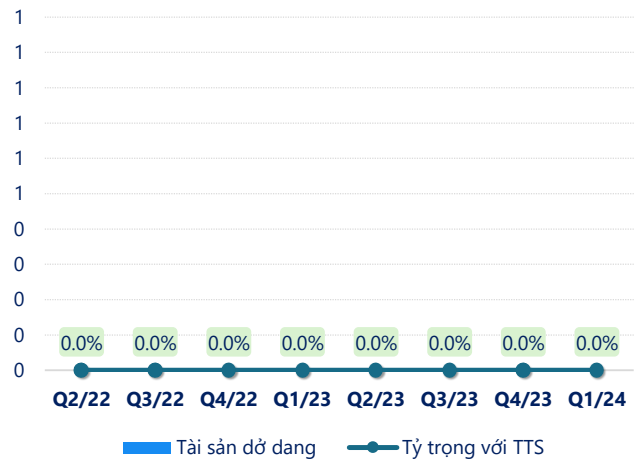
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

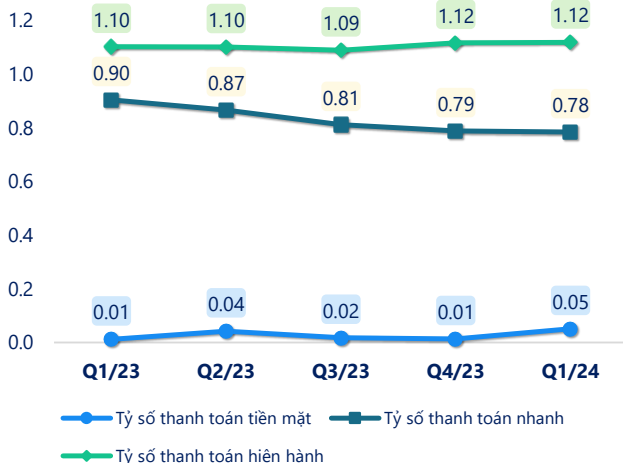
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

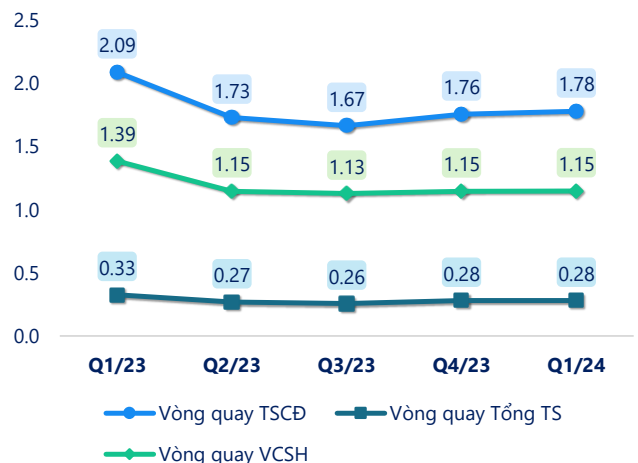
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	133	129	132	122	119
Tài sản ngắn hạn	112	108	111	102	98.9
Tiền và tương đương tiền	1.21	4.14	1.86	1.24	4.52
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	91.0	81.0	80.9	70.6	64.8
Hàng tồn kho	20.2	23.2	28.4	30.0	29.5
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.14	0.10	0.13	0
Tài sản dài hạn	20.8	20.4	20.5	20.4	20.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	20.2	19.8	20.0	19.8	19.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dài hạn khác	0.14	0.12	0.09	0.13	0.10
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	102	98.5	102	91.3	88.4
Nợ ngắn hạn	102	98.5	102	91.3	88.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.7	53.6	54.6	54.9	54.5
Phải trả người bán ngắn hạn	3.97	3.91	4.01	3.86	4.61
Nợ dài hạn	0.30	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.30	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	31.0	30.4	29.6	31.1	30.6
Vốn chủ sở hữu	31.0	30.4	29.6	31.1	30.6
Vốn điều lệ	15.0	15.0	15.0	15.0	15.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)